

KẾ HOẠCH GIÁO DỤC 25 - 36 THÁNG TUỔI A

NĂM HỌC: 2025 – 2026

- Căn cứ vào Chương trình giáo dục nhà trường
- Căn cứ vào tình hình thực tế của lớp, chúng tôi xây dựng kế hoạch giáo dục năm học như sau:

Mục tiêu giáo dục		Nội dung giáo dục	Thực hiện trong chủ đề
TT	Mục tiêu		
1. Lĩnh vực phát triển thể chất			
1.1. Phát triển vận động			
1	- Trẻ thực hiện được các động tác trong bài tập thể dục: hít thở, tay, lưng/bụng và chân.	- Hô hấp: Tập hít vào, thở ra - Tay: Giơ cao, đưa ra phía trước, đưa sang ngang, đưa ra sau kết hợp với lắc bàn tay. - Lưng, bụng, lườn: Cúi về phía trước, nghiêng người sang 2 bên, vận người sang 2 bên. - Chân: ngồi xuống, đứng lên, co duỗi từng chân.	1->9
2	- Trẻ giữ được thăng bằng trong vận động đi/ chạy thay đổi tốc độ nhanh – chậm theo cô hoặc đi trong đường hẹp có bề vật trên tay.	- Đi trong đường hẹp - Đi có mang mang vật trên tay - Đi theo hiệu lệnh - Chạy theo hướng thẳng - Chạy đổi hướng - Đứng co 1 chân - Đi bước vào các ô - Đi kết hợp với chạy - Đi bước qua gậy kê cao - Đi theo đường ngoằn ngoèo - Bật tại chỗ - Bật qua vạch kẻ - Bật xa bằng 2 chân - Nhún bật về phía trước - Bật vào các vòng - Bật qua 3 vòng	1 5 8 7 8 2 3 7 9 6 1,8 2 3 4 5 9
3	- Trẻ thực hiện phối hợp vận động tay – mắt: Tung – bắt bóng với cô ở khoảng cách 1m; ném vào đích xa 1- 1,2m.	- Tung bắt “bóng” cùng cô khoảng cách 1m - Tung bóng bằng hai tay - Tung bóng qua dây - Tung bắt bóng cùng bạn - Ném bóng vào đích xa khoảng cách 1 – 1,2m (Ngang) - Ném bóng vào đích (đứng)	4 3,7 5 9 7 6
4	- Trẻ biết phối hợp tay, chân, cơ thể trong khi bò để giữ được vật đặt trên	- Bò thẳng hướng và có vật trên lưng - Bò chui qua cổng - Bò về phía trước	9 2 3

Mục tiêu giáo dục		Nội dung giáo dục	Thực hiện trong chủ đề
TT	Mục tiêu		
	lưng.	- Bò qua vật cản - Trườn về phía trước - Trườn qua vật cản - Trườn chui qua cổng - Bò thẳng hướng theo đường hẹp - Bò theo đường dốc dốc	4 8 6 5 1 7
5	- Trẻ thể hiện sức mạnh của cơ bắp trong vận động ném, đá bóng: Ném xa lên phía trước bằng một tay (tối thiểu 1,5 m).	- Ném bóng về phía trước bằng 1 tay (1,5m) - Đá bóng - Đá bóng vào đích	1 5 8
6	- Trẻ vận động cổ tay, bàn tay, ngón tay – thực hiện “múa khéo”.	- Đóng cọc bàn gỗ. - Chồng, xếp 6-8 khối. - Chắp ghép hình. - Lật mở trang sách. - Nhón nhặt đồ vật.	1,2,3,5,6, 7,8,9
7	- Trẻ phối hợp được cử động bàn tay, ngón tay và phối hợp tay – mắt trong các hoạt động: nhào đất nặn; vẽ tổ chim;	- Xoa tay, chạm các đầu ngón tay với nhau, rót, nhào, khuấy, đảo, vò xé. - Tập cầm bút tô, vẽ.	1,2,3,4,5, 6,7,8
8	Trẻ phối hợp được cử động bàn tay, ngón tay và phối hợp tay – mắt trong các hoạt động: khâu vòng tay, chuỗi đeo cổ.	- Tập khâu, luồn dây, cài, cởi cúc, buộc dây.	2,3,4,5, 6,7,8,9

1.2. Giáo dục dinh dưỡng và sức khỏe

a Tập luyện nền nếp, thói quen tốt trong sinh hoạt

9	- Trẻ thích nghi với chế độ ăn cơm, ăn được các loại thức ăn khác nhau.	- Làm quen với chế độ ăn cơm và các loại thức ăn khác nhau. - Tập luyện nền nếp thói quen tốt trong ăn uống. - Luyện một số thói quen tốt trong sinh hoạt: Ăn chín, uống chín; rửa tay trước khi ăn; lau mặt, lau miệng, uống nước sau khi ăn; vứt rác đúng nơi quy định.	1,2,3,4, 6,7
10	- Trẻ ngủ 1 giấc buổi trưa.	- Luyện thói quen ngủ 1 giấc trưa.	1,2,4
11	- Trẻ biết đi vệ sinh đúng nơi quy định.	- Biết đi vệ sinh đúng nơi quy định.	3,4,5,6 7,9

b Thực hiện một số việc tự phục vụ, giữ gìn sức khỏe

12	- Trẻ làm được một số	- Tập tự phục vụ:	
----	-----------------------	-------------------	--

Mục tiêu giáo dục		Nội dung giáo dục	Thực hiện trong chủ đề
TT	Mục tiêu		
	việc với sự giúp đỡ của người lớn (lấy nước uống, đi vệ sinh...).	+ Xúc cơm, uống nước. + Mặc quần áo, đi dép, đi vệ sinh, cởi quần áo khi bị bẩn, bị ướt. + Chuẩn bị chỗ ngủ: - Tập một số thao tác đơn giản trong rửa tay, lau mặt. - Tập đi vệ sinh đúng nơi quy định. - Tập nói với người lớn khi có nhu cầu ăn, ngủ, vệ sinh.	1,2,3,5,6,7,8
13	- Trẻ chấp nhận: đội mũ khi ra nắng; Trẻ đeo khẩu trang khi đi ra đường để phòng tránh dịch bệnh và bảo vệ sức khỏe, đi giày dép; mặc quần áo ấm khi trời lạnh.	- Đội mũ khi ra nắng, biết nắng làm mình bị ốm, đeo khẩu trang khi đi ra đường để phòng tránh dịch bệnh và bảo vệ sức khỏe. - Mặc quần áo ấm khi trời lạnh. - Đi giày dép	3,6,7,8,9
<i>c Nhận biết và tránh một số nguy cơ không an toàn</i>			
14	- Trẻ biết tránh một số vật dụng, nơi nguy hiểm (bếp đang đun, phích nước nóng, xô nước, giếng, téc nước, ao, mương) khi được nhắc nhở.	- Nhận biết một số vật dụng nguy hiểm (dao, kéo, vật sắc nhọn, bình nước nóng...), những nơi nguy hiểm không được phép sờ vào hoặc đến gần. (Téc nước, nhà kho, ổ điện, ao, mương...).	1,3,4,5,6,9
15	- Trẻ biết và tránh một số hành động nguy hiểm (leo trèo lên lan can, cầu thang, chơi gần ao, mương..., chơi nghịch các vật sắc nhọn...) khi được nhắc nhở.	- Nhận biết một số hành động nguy hiểm và phòng tránh (leo trèo lên lan can, đu bám giá đồ chơi, xô đẩy bạn, đóng mở cửa, kéo, với các vật trên cao...)	7,8,9
2. Lĩnh vực phát triển nhận thức			
<i>2.1. Khám phá thế giới xung quanh bằng các giác quan</i>			
16	Trẻ biết sờ nắn, nhìn, nghe, ngửi, nếm để nhận biết đặc điểm nổi bật của đối tượng.	- Sờ nắn, nhìn, ngửi ... đồ vật, hoa, quả để nhận biết đặc điểm nổi bật. - Nếm vị của 1 số thức ăn, quả (ngọt- mặn- chua). - Sờ nắn đồ vật, đồ chơi để nhận biết cứng - mềm, trơn (nhẵn) - xù xì. - Nghe và nhận biết âm thanh của một số đồ vật, tiếng kêu của một số con vật quen thuộc. - Tìm đồ vật vừa mới cất giấu.	1,2,3,4,5,6,7,8,9
<i>2.2. Thể hiện sự hiểu biết về các sự vật, hiện tượng gần gũi</i>			
17	Trẻ chơi bắt chước một	- Tên, đặc điểm nổi bật, công dụng và cách	

Mục tiêu giáo dục		Nội dung giáo dục	Thực hiện trong chủ đề
TT	Mục tiêu		
	số hành động quen thuộc của những người gần gũi.	sử dụng đồ dùng, đồ chơi quen thuộc.	1,2,3,4, 8,9
18	Sử dụng được một số đồ dùng, đồ chơi quen thuộc.	- Đồ dùng, đồ chơi của bản thân và của nhóm/lớp. - Tên và một số đặc điểm bên ngoài của bản thân.	
19	- Trẻ nói được tên của bản thân và những người gần gũi khi được hỏi.	- Tên của cô giáo, các bạn, nhóm/ lớp. - Tên và công việc của những người thân gần gũi trong gia đình.	1,2,4
20	- Trẻ nói được tên và chức năng của một số bộ phận cơ thể khi được hỏi.	- Tên, chức năng chính một số bộ phận của cơ thể: mắt, mũi, miệng, tai, tay, chân.	2
21	- Trẻ nói được tên và một vài đặc điểm nổi bật của các đồ vật, hoa quả, con vật quen thuộc.	- Tên và một số đặc điểm nổi bật của con vật, rau, hoa, quả quen thuộc. - Tên, đặc điểm nổi bật và công dụng của phương tiện giao thông gần gũi.	2,5,6,7,8
		- Tên gọi của 1 số hiện tượng thiên tai: Mưa, gió, sấm, chớp... - Sử dụng nước tiết kiệm, có ý thức bảo vệ môi trường.	7,9
22	- Trẻ biết chỉ/nói tên hoặc lấy hoặc cất đúng đồ chơi màu đỏ/ vàng/ xanh theo yêu cầu.	- Màu đỏ, vàng, xanh. - Số lượng (Một- nhiều).	4 5
23	- Trẻ biết chỉ hoặc lấy hoặc cất đúng đồ chơi có kích thước to/nhỏ theo yêu cầu.	- Kích thước (To- nhỏ). - Hình tròn, hình vuông. - Vị trí trong không gian (trên- dưới, trước-sau) so với bản thân trẻ.	3 7 2,9
3. Lĩnh vực phát triển ngôn ngữ			
3.1. Nghe			
24	- Trẻ biết thực hiện được nhiệm vụ gồm 2-3 hành động.. Ví dụ: “Cháu cất đồ chơi lên giá rồi đi rửa tay !”.	- Nghe và thực hiện các yêu cầu bằng lời nói.	1,2,3,4,5, 6,7,8,9
25	- Trẻ trả lời 1 số câu hỏi đơn giản: “Ai đây?”; “Cái gì đây?”; “...làm gì?”; “...thế nào?” (Ví dụ: “Con gà gáy thế nào?”...).	- Nghe các câu hỏi: “Cái gì?”; “Làm gì?”; “Để làm gì?”; “Ở đâu?”; “Như thế nào?”. - Trả lời và đặt câu hỏi: “Cái gì?”; “Làm gì?”; “Ở đâu?; “...thế nào?”; “Để làm gì?”; “Tại sao?”... - Nghe các từ chỉ tên gọi đồ vật, sự vật, hành động quen thuộc.	1,3,4,5, 7,8,9

Mục tiêu giáo dục		Nội dung giáo dục	Thực hiện trong chủ đề
TT	Mục tiêu		
26	- Trẻ hiểu nội dung truyện ngắn đơn giản: Trả lời được 1 số câu hỏi đơn giản về tên truyện, tên và hành động của các nhân vật.	- Nghe lời nói với sắc thái tình cảm khác nhau. - Nghe các bài thơ, đồng dao, ca dao, hò vè, câu đố, bài hát và truyện ngắn. - Lắng nghe khi người lớn đọc sách.	1,3,4,5, 6,7,8,9
3.2. Nói			
27	- Trẻ phát âm rõ tiếng.	- Đọc các đoạn thơ, bài thơ. ngắn có câu 3-4 tiếng - Phát âm các âm khác nhau. - Kể lại đoạn truyện được nghe nhiều lần, có gợi ý.	1,2,3,4,5, 6,7,8,9
28	- Trẻ đọc được bài thơ, ca dao, đồng dao với sự giúp đỡ của cô giáo.		
29	- Trẻ nói được câu đơn, câu có 5-7 tiếng, có các từ thông dụng chỉ sự vật, hoạt động, đặc điểm quen thuộc.	- Sử dụng các từ chỉ đồ vật, con vật, đặc điểm, hành động quen thuộc trong giao tiếp. - Xem tranh và gọi tên các nhân vật, sự vật, hành động gần gũi trong tranh.	2,4,5, 7,8,9
30	- Trẻ biết sử dụng lời nói với các mục đích khác nhau: + Chào hỏi, trò chuyện. + Bày tỏ nhu cầu của bản thân. + Hỏi về các vấn đề quan tâm như: “Con gì đây?”; “Cái gì đây?”... + Trẻ người dân tộc thiểu số sử dụng được 1 số từ ngữ và câu bằng tiếng Việt, tiếng mẹ đẻ trong giao tiếp hằng ngày.	- Thể hiện nhu cầu, mong muốn và hiểu biết bằng 1-2 câu đơn giản và câu dài. + Trẻ người dân tộc thiểu số sử dụng được 1 số từ ngữ và câu bằng tiếng Việt, tiếng mẹ đẻ trong giao tiếp hằng ngày.	1,2,5, 6,7,8,9
31	- Trẻ biết nói to, đủ nghe, lễ phép.	- Sử dụng các từ thể hiện sự lễ phép khi nói chuyện với người lớn.	1,2,3,4,5,6,8, 9
4 . Lĩnh vực phát triển tình cảm kỹ năng xã hội và thẩm mỹ			
4.1. Phát triển tình cảm			
32	- Trẻ nói được một vài thông tin về mình (tên, tuổi).	- Nhận biết tên gọi, một số đặc điểm bên ngoài bản thân.	2
33	- Trẻ biết thể hiện điều mình thích và không thích.	- Nhận biết một số đồ dùng, đồ chơi yêu thích của mình.	1,2,3,4,8,9
34	- Trẻ biết biểu lộ sự thích giao tiếp với người khác bằng cử chỉ, lời nói.	- Giao tiếp với những người xung quanh. Nói được 1 số từ bằng tiếng dân tộc của trẻ.	1,3,4,5,6, 7,8,9
35	- Trẻ nhận biết được trạng thái cảm xúc vui, buồn, sợ hãi.	- Nhận biết và thể hiện một số trạng thái cảm xúc: vui, buồn, tức giận.	2

Mục tiêu giáo dục		Nội dung giáo dục	Thực hiện trong chủ đề
TT	Mục tiêu		
36	- Trẻ biết biểu lộ cảm xúc: Vui, buồn, sợ hãi qua nét mặt, cử chỉ.		
37	- Trẻ biết biểu lộ sự thân thiện với một số con vật quen thuộc/gần gũi: Bắt chước tiếng kêu, gọi.	- Quan tâm đến các vật nuôi.	5
4.2. Phát triển kỹ năng xã hội			
38	- Trẻ biết chào, tạm biệt, cảm ơn, ă, vâng ă.	- Thực hiện một số hành vi văn hóa và giao tiếp: chào tạm biệt, cảm ơn, nói từ “ạ”, “vâng ă”; chơi cạnh bạn, không cầu bạn.	1,2,3,5,6, 7,8,9
39	- Trẻ biết thể hiện một số hành vi xã hội đơn giản qua trò chơi giả bộ (Trò chơi bế em, khuấy bột cho em bé, nghe điện thoại...).	- Tập thể hiện một số hành vi xã hội đơn giản qua trò chơi giả bộ (Trò chơi bế em, khuấy bột cho em bé, nghe điện thoại...) - Tập sử dụng đồ dùng, đồ chơi.	1,3,4,5,6, 7,8,9
40	- Trẻ biết chơi thân thiện cạnh trẻ khác.	- Chơi thân thiện với bạn: chơi cạnh bạn, không tranh giành đồ chơi với bạn.	1,3,4,5, 6,7,8,9
41	- Trẻ biết thực hiện một số yêu cầu của người lớn.	- Thực hiện một số quy định đơn giản trong sinh hoạt ở nhóm, lớp: xếp hàng chờ đến lượt, để đồ chơi vào nơi qui định. - Thực hiện yêu cầu đơn giản của giáo viên.	1,3,4,5, 6,7,8,9
4.3. Phát triển cảm xúc thẩm mỹ			
42	- Trẻ biết hát và vận động đơn giản theo một vài bài hát/ bản nhạc quen thuộc.	- Nghe hát, nghe nhạc với các giai điệu khác nhau; về địa phương như: Ính lá oi, xòe hoa... nghe âm thanh của các nhạc cụ. - Hát và tập vận động đơn giản theo nhạc.	1,2,3,4,5, 6,7,8,9
43	- Trẻ thích tô màu, vẽ, nặn, xé, xếp hình, xem tranh (Cầm bút di màu, vẽ nguệch ngoạc)...	- Vẽ các đường nét khác nhau, di màu, nặn, xé, vò, xếp hình. - Xem tranh.	1,2,3,4,5, 6,7,8,9

II. DỰ KIẾN CHỦ ĐỀ

Tháng	Chủ đề, thời gian thực hiện	Chủ đề nhánh	Số tuần	Lễ/hội	Ghi chú
Từ ngày 8/09 đến ngày 3/10/2025	CD 1: Bé vui đến trường- Tết trung thu (4 tuần)	Trường mầm non của bé	1	Ngày lễ khai giảng	
		Bé và các bạn	1		
		Lớp học của bé	1		
		Tết trung thu	1		
Từ ngày 06/10	CD 2: Bản	Bé là ai	1		

đến ngày 31/10/2025	thân – Tuần lễ dinh dưỡng (4 tuần)	Tuần lễ dinh dưỡng	1		
		Cơ thể của bé	1		
		Trang phục của bé	1		
Từ ngày 03/11 đến ngày 28/11/2025	CD 3: Đồ dùng đồ chơi của bé – Ngày hội của cô giáo (4 tuần)	Đồ chơi của bé	1	Ngày nhà giáo VN 20/11	
		Đồ dùng cá nhân của bé	1		
		Ngày hội của cô giáo	1		
		Đồ dùng trong lớp của bé	1		
Từ ngày 1/12 đến ngày 26/12/2025	Chủ đề 4: Mẹ và những người thân yêu của bé (4 tuần)	Mẹ của bé	1		
		Những người thân yêu của bé	1		
		Đồ dùng để ăn	1		
		Đồ dùng để uống	1		
Từ ngày 29/12/2025 đến ngày 23/1/2026	CD 5: Thế giới động Vật (4 tuần)	Những con vật sống trong GD	1		
		Những con vật sống dưới nước	1		
		Một số loại chim	1		
		1 số con côn trùng	1		
Từ ngày 26/01 đến ngày 13/02/2026	Chủ đề 6: Bé vui đón tết (3 tuần)	Mùa xuân của bé	1	Tết nguyên đán	
		Ngày tết vui vẻ	1		
		Một số loại bánh trong ngày tết	1		
		<i>Nghỉ tết từ 16-20/2</i>			
Từ ngày 23/2 đến ngày 20/3/2026	Chủ đề 7: Thế giới thực vật - 8/3 (4 tuần)	Em yêu cây xanh	1		
		<i>Ngày 8/3</i>	1		
		Những bông hoa đẹp	1		
		Một số loại quả	1		
Từ ngày 23/3 đến 17/4/2026	CD 8: PTGT (4 tuần)	PTGT đường bộ	2		
		PTGT đường hàng không	1		
		PTGT đường thủy	1		
Từ ngày 20/4 đến ngày 22/5/2026	Chủ đề 9: Mùa hè – Bé lên MG – Tết thiếu nhi (4 tuần)	Thời tiết mùa hè	1	Ngày tết thiếu nhi	
		<i>Tuần ôn 30/4-1/5</i>			
		Trang phục mùa hè	1		
		Bé lên mẫu giáo	1		
		Tết thiếu nhi	1		
Cộng			35		

Ngày 28 tháng 08 năm 2025

TÔ PHÓ

NGƯỜI XÂY DỰNG KẾ HOẠCH

Tòng Thị Hương

Vì Thị Ánh